

Số: 278/CV-TĐT-BVNC
V/v đề nghị cung cấp báo giá vật tư

Nông Cống, ngày 13 tháng 11 năm 2025

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các công ty sản xuất, nhà cung cấp thiết bị y tế tại Việt Nam

Bệnh viện Đa khoa Nông Cống có nhu cầu tiếp nhận báo giá, thông tin kết quả trúng thầu để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn mua sắm Vật tư y tế tại Bệnh viện Đa khoa Nông Cống năm 2026-2027 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đa khoa Nông Cống.
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:
Vũ Lê Hương, Khoa Dược- Vật tư, TBYT, Điện thoại: 0328226103
- Cách thức tiếp nhận báo giá:
 - Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Bệnh viện Đa khoa Nông Cống, xã Nông Cống, Tỉnh Thanh Hóa.
 - Đồng thời bản mềm có đầy đủ chữ ký, đóng dấu của công ty (pdf) và file excel qua địa chỉ E-mail: tiepnhanbaogiabvnc@gmail.com
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày 14 tháng 11 năm 2025 đến trước 17 giờ ngày 25 tháng 11 năm 2025.
Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.
- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày 25 tháng 11 năm 2025.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục hàng hoá:
(Chi tiết như phụ lục đính kèm)
- Địa điểm cung cấp hàng hoá: Khoa Dược- Vật tư, TBYT, Bệnh viện Đa khoa Nông Cống, xã Nông Cống, Tỉnh Thanh Hóa.
- Các thông tin khác:
 - Báo giá đã bao gồm đào tạo hướng dẫn sử dụng, các loại thuế, chi phí, vận chuyển, lắp đặt, bảo hành, bảo hiểm, giao hàng, bàn giao nghiệm thu tại Bệnh viện Đa khoa Nông Cống.



Xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý đơn vị./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Webside Bv (để đăng tải);
- Hệ thống mạng đầu thầu QG (để đăng tải);
- Lưu: VT; K.Dược-VT,TBYT; HĐKHKT

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Tuấn



PHỤ LỤC I: DANH MỤC CHI TIẾT ĐÍNH KÈM
(Đính kèm Công văn yêu cầu báo giá ngày 13/11/2023 của Bệnh viện Đa khoa Nông Cống)

STT mặt hàng	STT phần	Mã Vật tư	Tên hàng hoá	Yêu cầu kỹ thuật	Quy cách	ĐVT	Số lượng
I. VẬT TƯ, HOÀ CHẤT DÙNG TRONG CHẨN THẬN CHỦ KÌ							
1		26BVNC-V1	Dung dịch thẩm phân máu đậm đặc RENALVN-A (Acid)	Thành phần trong 1.000 ml dung dịch gồm: - Natri clorid: 210,68 g - Kali clorid: 5,22 g - Calci clorid.2H₂O: 9,00 g - Magnesi clorid.6H₂O: 3,56 g - Acid acetic băng: 6,31g - Glucose.H₂O: 38,50 g (Hoặc Glucose khan: 35,00 g) - Nước đạt tiêu chuẩn ISO 23500-3:2019 vừa đủ: 1.000 ml - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485 - Quy cách: Can 10 lít được đóng kín bằng màng seal nhôm - Sử dụng tương thích với dịch B (Bicarbonat) theo đúng khuyến cáo của nhà sản xuất	Can 10 lít	lít	48.000
2		26BVNC-V2	Dịch thẩm phân máu đậm đặc Bicarbonat (Dung dịch B)	Thành phần trong 1.000 ml dung dịch gồm: - Natri bicarbonat: 84,0 g - Nước đạt tiêu chuẩn ISO 23500-3:2019 vừa đủ: 1.000 ml - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485 - Quy cách: Can 10 lít được đóng kín bằng màng seal nhôm - Sử dụng tương thích với dịch A (Acid) theo đúng khuyến cáo của nhà sản xuất	Can 10 lít	lít	60.000
3		26BVNC-V3	Dây máu thận nhân tạo sử dụng cho máy thận nhân tạo	- Dây được làm bằng nguyên liệu Polyvinylchloride tiêu chuẩn y tế, không Pyrogenic, không Latex. Tổng chiều dài dây: dây tính mạch 2725mm, dây động mạch 3685mm. Thể tích mỗi: 152ml - Bầu máu có cổng tiêm thuốc linh hoạt. Kích thước bầu: 4.7x 7.0x 25mm. - Có túi Pillow ở dây động mạch, giúp phát hiện thiếu máu động mạch. - Kích cỡ dây phân tiếp xúc bơm máu (đường kính trong x đường kính ngoài x chiều dài): 8,25 x 12,55 x 410mm - Đạt tiêu chuẩn EC, ISO 13485:2016		Bộ	2.500
4		26BVNC-V4	Quả lọc thận nhân tạo	Nguyên liệu: màng lọc làm từ sợi thiên nhiên cellulose triacetate . - Diện tích: 1,3 m². - Thể tích mỗi: ≥78 ml. - Hệ số siêu lọc: ≥17 (mL/giờ/mmHg). - Độ dày thành sợi: ≥15 µm. - Vỏ quả lọc: Polypropylene - Độ thanh thải (Qb: 300ml/min): - Ure: ≥263 ml/min; - Creatinine : ≥229 ml/min - Phosphate: ≥192 ml/min - Vitamin B12: ≥116 ml/min - Tiệt trùng: Tia Gamma - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, EC		Quả	2.700
5		26BVNC-V5	Bộ kim chạy thận nhân tạo	Kim AVF 16G*1 cánh xoáy. Chiều dài dây 30cm, làm bằng nhựa PVC không chứa chất phụ gia DEHP, ống dây có ID 3.5mm, OD 5.5mm, mặt trong dây trơn láng ngăn chặn máu đông tụ. - Kích thước kim 16G dài 25mm, thành mỏng, đầu kim sắc nhọn, mặt sau ở đầu kim có lỗ oval (backeye) để tránh làm tổn thương mô, dùng chung cho động mạch và tĩnh mạch. - Trục bánh xe xoáy được, có đánh dấu cố định có khóa, gờ chống trượt. Có đầu nối Luer phù hợp với ISO 80369-7 kết nối được với tất cả các loại dây chạy thận. - Phân biệt cỡ kim theo màu sắc của cánh kim, nhận diện cánh xoáy hoặc cánh không xoáy qua mã sản phẩm ghi trên bao bì. - Đóng gói từng cái (một mặt giấy, một mặt trong suốt) nhằm đảm bảo độ vô trùng, dễ bảo quản, dễ quan sát và thoát khí EO rất an toàn trước sử dụng. Tiệt trùng bằng EO gas phù hợp tiêu chuẩn ISO 11135. - Ống kim được cấu tạo từ thép y tế, phù hợp với ISO 9626 - Sản phẩm đạt chứng nhận CE Marking - Hệ thống QMS của sản phẩm đạt EN ISO 13485:2016 - Xuất xứ: Việt Nam		cái	25.000

STT mặt hàng	STT phần	MA Vật tư	Tên hàng hoá	Yêu cầu kỹ thuật	Quy cách	ĐVT	Số lượng
6		26BVNC-V6	Catheter tĩnh mạch chạy thận nhân tạo 2 nòng	Chất liệu: Polyurethane, đầu thẳng, chiều dài 20CM, Tốc độ chảy: 280ml/phút • Thiết kế "DOUBLE" 2 nòng: máu lưu thông với tốc độ cao, áp lực thấp - Cấu hình cung cấp gồm: - 01 catheter: 12Fr*20cm - 01 kim hướng dẫn chữ Y 18G*7cm, - 01 guide wire 0.035" *60cm, Nickel titanium - 02 thông nòng: 12Fr*15cm & 10Fr*15cm - 01 bơm tiêm 5ml & 01 kim tiêm số 7 - 01 dao Scalpel số 11 - 01 chỉ phẫu thuật liên kim số 3/0 Silk kim cong 1/2 6*14, dài chỉ 75cm - 01 chỉ phẫu thuật liên kim, kim thẳng đầu kim tam giác 8*55, dài chỉ 75cm - 01 băng vết thương 10*12cm - 02 nắp đậy		Cái	10
7		26BVNC-V7	Javen	Dung dịch đặc, có tính oxy hóa mạnh, dùng để tẩy rửa. Mùi đặc trưng.		lít	1.500
8		26BVNC-V8	Muối hoàn nguyên	Công thức: NaCl đạt: 99,8%, độ ẩm không quá: 0,01%.		kg	3.300
9		26BVNC-V9	Lõi lọc 10 inch 0.2 micron	- Vật liệu: Polypropylen - Độ dài: 10inch - Cấp độ lọc: 0.2µm - Đường kính trong: 28/30mm		cột	30
10		26BVNC-V10	Lõi lọc 20 inch 5micron	- Vật liệu: Polypropylen - Độ dài: 20inch - Cấp độ lọc: 5µm - Đường kính trong: 28/30mm - Đường kính ngoài: 60/63mm		cột	40
11		26BVNC-V11	Acid Citric (C ₆ H ₈ O ₇)	Acid Citric (C ₆ H ₈ O ₇)		kg	1.100
12		26BVNC-V12	Dung dịch tẩy khuẩn màng lọc	Chất lỏng Thành phần: Hydrogen Peroxide 19% Acid peracetic 4,5% Acid acetic 15% Và các thành phần phụ khác: 61,5% - Đạt tiêu chuẩn ISO13485 - Can 5 lít - Tính năng: làm sạch và khử khuẩn	Can 5 lít	Lít	420
13		26BVNC-V13	Que thử nồng độ axit peracetic Serim	Mục đích sử dụng: Dùng để thử "hiệu lực"; "hiệu năng" hoặc nồng độ của axit peracetic trong chất khử khuẩn cơ bản có chứa axit peracetic/hydrogen peroxide được dùng để khử khuẩn quá lọc Có thể kiểm tra nồng độ Peracetic Acide từ: 400, 600 và 800 ppm Thời gian nhúng: 1 giây Thời gian đọc kết quả: 10 giây Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015 và ISO 13485:2016		Test	300
14		26BVNC-V14	Que thử hàm lượng Clo tổng dải thấp Serim	Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015 và ISO 13485:2016 Mục đích sử dụng: Để đo mức độ clo thấp (chloramines/clo tự do) trong nước cấp dùng để chạy thận và cũng cho biết nồng độ Clo (chất tẩy Clo) tồn dư trong dung dịch đã sử dụng để súc rửa đường ống sau khi khử trùng thiết bị thẩm tách máu. Có thể kiểm tra nước với các nồng độ: 0, 0.1, 0.5 và 3ppm Thời gian nhúng và đọc kết quả: 30 giây		Test	400
15		26BVNC-V15	Que thử độ cứng của nước Serim	Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015 và ISO 13485:2016 Mục đích sử dụng: Dùng để kiểm tra độ cứng của nước trong chạy thận nhân tạo hoặc hệ thống nước RO của bệnh viện. Có thể kiểm tra nước với các nồng độ: 0, 10, 25, 50 và 120ppm Không sử dụng để kiểm tra nước có độ cứng > 120 ppm. Thời gian nhúng: 1 giây Thời gian đọc kết quả: 10 giây		Test	400

STT mặt hàng	STT phần	MA Vật tư	Tên hàng hoá	Yêu cầu kỹ thuật	Quy cách	BVT	Số lượng
16		26BVNC-V16	Que thử tồn dư Peroxide Serim	Dùng để kiểm tra nồng độ của chất khử khuẩn acid peracetic/ peroxide đã được giảm xuống mức an toàn sau khi rửa quả lọc, máy chạy thận nhân tạo hoặc hệ thống xử lý nước Có thể kiểm tra nồng độ Hydrogen Peroxide từ: 0, 1, 3, 5 và 10 ppm Không dùng Que thử để kiểm tra nồng độ Hydrogen Peroxide lớn hơn 20 ppm Thời gian nhúng: 2 giây Thời gian đọc kết quả: 15 giây Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015 và ISO 13485:2016		Test	200
17		26BVNC-V17	Gạc thận	Gạc thận nhân tạo. Đóng gói bằng túi giấy y tế chuyên dụng có tem chỉ thị màu để phân biệt độ tiệt trùng của sản phẩm; Tiệt trùng bằng khí EO; Không có hóa chất tẩy trắng; Thời gian chìm không quá 10 giây; Khả năng hút nước: Trung bình 1 gam gạc giữ được từ 5 gam nước trở lên.		cái	52.000
18		26BVNC-V18	Quả lọc thận nhân tạo	Nguyên liệu: màng lọc làm từ sợi thiên nhiên cellulose triacetate . - Diện tích: 1,5 m ² . - Thể tích mỗi: 90 ml. - Hệ số siêu lọc: 18 (mL/giờ/mmHg). - Độ dày thành sợi: 15 µm. - Vỏ quả lọc: Polypropylene - Độ thanh thải (Qb: 300ml/min): Ure: 270 ml/min; Creatinine : 237 ml/min Phosphate: 201 ml/min Vitamin B12: 125 ml/min - Tiệt trùng: Tia Gamma - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, EC		quả	360
IL BỘ VẬT TƯ DÙNG TRONG CẤP CỨU VÀ NHÀ MÔ							
1		26BVNC-V19	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi số 1/0	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 áo bao poly (glycolide-co-l-lactid 30/70) 50% + 50% CaSt, số 1, chỉ dài 90 cm, kim tròn thân dày, 1/2 vòng tròn dài 40mm, kim EasySlide làm bằng hợp kim AISI 300 series (304) Niken 11% theo tiêu chuẩn ASTM F899-20, đạt độ nhám bề mặt ≤0,4 Ra, phủ silicon. Lực căng kéo nút thắt 66.30N. Sức căng kéo giảm 40 - 50% sau 21 ngày, tan hoàn toàn sau 56 đến 70 ngày. Đóng gói: Chỉ được quấn quanh khung nhựa HDPE giúp chống rối chỉ. Tiêu chuẩn FDA, EC, ISO.		sợi	800
2		26BVNC-V20	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi số 1/0	Chỉ phẫu thuật tổng hợp tự tiêu Polyglactin 910, Số 1, dài 90cm kim 1/2 kim tròn vòng kim 40mm, vỏ trùng Bao gồm copolymer được làm tổng hợp từ 90% glycolide và 10% L-lactide. Công thức hóa học là (C2H2O2)m(C3H4O2)n, Kim được làm bằng thép không gỉ 455; 370/300 và được phủ silicon, thân kim tròn. Chỉ được phủ Polyglactin 370 và Canxi Stearate (65% PLA / 35% PGA) ở các phần bằng nhau hoặc 50% mỗi loại, cho phép sợi dễ dàng đi qua mô và giảm xu hướng kích ứng mô. Sức căng 7 ngày 92%, 14 ngày 75%, 21 ngày 50%, 28 ngày 25% Tiêu chuẩn FDA, CE		sợi	520
3		26BVNC-V21	Chỉ tiêu nhanh tổng hợp số 2/0	Chỉ tan nhanh tổng hợp sợi bền cấu tạo Polyglactin 910 (90% Polyglycolic acid+ 10% Polylactic acid) số 2/0, dài 90 cm, vỏ bọc Polyglactin 370 + calcium stearate. Duy trì sức căng kéo 50% sau 5 ngày, 0% sau 14 ngày. Lực căng kéo nút thắt 24,59N. Kim tròn đầu cắt dài 37 mm, kim làm bằng thép không gỉ, phủ silicone. Tan hoàn toàn sau 42 ngày. Tiệt trùng bằng tia Gamma.		sợi	390
4		26BVNC-V22	Chỉ tiêu nhanh tổng hợp số 2/0	Chỉ tan nhanh tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 áo bao poly (glycolide-co-l-lactid 30/70) 50% + 50% CaSt, số 2/0, chỉ dài 90cm, kim tròn thân dày, 1/2 vòng tròn dài 37mm, đầu cắt. kim EasySlide làm bằng hợp kim AISI 300 series (304) Niken 11% theo tiêu chuẩn ASTM F899-20, đạt độ nhám bề mặt ≤0,4 Ra, phủ silicon. Lực căng kéo nút thắt 24.59N. Sức căng kéo giảm 50% sau 5 ngày, 100% sau 14 ngày, tan hoàn toàn sau 42 ngày. Đóng gói trực tiếp 2 lớp: lá nhôm bên trong, vỏ nhựa bên ngoài. Tiêu chuẩn FDA, EC, ISO.		Sợi	780
5		26BVNC-V23	Chỉ tiêu nhanh 6.0	Chỉ khâu tiêu nhanh chất liệu Polyglycolic acid Rapid tổng hợp số 6/0 được bao bởi 1 lớp polycaprolactone và Calcium stearate, KT: dài 75cm kim tam giác 3/8C, vòng kim 12mm, sức căng còn 50% sau 7 ngày, , tan hoàn toàn sau 42 ngày cấy ghép Tiêu chuẩn EN ISO 13485:2016, CE, sản xuất tại Châu Âu		sợi	120
6		26BVNC-V24	Chỉ tiêu tổng hợp sợi bền số 5/0	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 áo bao poly (glycolide-co-l-lactid 30/70) 50% + 50% CaSt, số 5/0, chỉ dài 70 cm, kim tròn 1/2 vòng tròn dài 17mm, làm bằng thép không gỉ AISI 300 series (304) theo tiêu chuẩn ASTM F899-20 cho dụng cụ phẫu thuật và được đánh bóng để đạt độ nhám bề mặt ≤0,4 Ra, Kim phủ silicon âm tăng hiệu suất xuyên kim và giảm mài mòn kim. Lực căng kéo nút thắt 10.04N. Sức căng kéo giảm 40 - 50% sau 21 ngày, tan hoàn toàn sau 56 đến 70 ngày. Tiêu chuẩn FDA, EC, ISO.		Sợi	120

STT mặt hàng	STT phần	Mã Vật tư	Tên hàng hoá	Yêu cầu kỹ thuật	Quy cách	ĐVT	Số lượng
7		26BVNC-V25	Chỉ tiêu nhanh tổng hợp số 4/0	Chỉ phẫu thuật tổng hợp tự tiêu Polyglactin 910, Số 4/0, dài 75cm kim 1/2 kim tròn vòng kim 20mm, vỏ trùng Bao gồm copolymer được làm tổng hợp từ 90% glycolide và 10% L-lactide. Công thức hóa học là $(C_2H_2O_2)_m(C_3H_4O_2)_n$, Kim được làm bằng thép không gỉ 455; 370,300 và được phủ silicon. Thân kim tròn Chỉ được phủ Polyglactin 370 và Canxi Stearate (65% PLA / 35% PGA) ở các phần bằng nhau hoặc 50% mỗi loại, cho phép sợi dễ dàng đi qua mô và giảm xu hướng kích ứng mô. Sức căng 7 ngày 92%, 14 ngày 75%, 21 ngày 50%, 28 ngày 25% Tiêu chuẩn FDA, CE		sợi	200
8		26BVNC-V26	Chỉ tiêu nhanh tổng hợp số 4/0	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 áo bao poly (glycolide-co-lactid 30/70) 50% + 50% CaSt, số 4/0, chỉ dài 70 cm, kim tròn 1/2 vòng tròn dài 22mm, kim EasySlide làm bằng hợp kim AISI 300 series (304) Niken 11% theo tiêu chuẩn ASTM f899-20, đạt độ nhám bề mặt $\leq 0,4$ Ra, phủ silicon. Lực căng kéo nút thắt 15.43N. Sức căng kéo giảm 40 - 50% sau 21 ngày, tan hoàn toàn sau 56 đến 70 ngày. Đóng gói: Chỉ được quấn quanh khung nhựa HDPE giúp chống rối chỉ. Tiêu chuẩn FDA, EC, ISO.		Sợi	165
9		26BVNC-V27	Chỉ tiêu tổng hợp sợi bền số 3/0	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 áo bao poly (glycolide-co-lactid 30/70) 50% + 50% CaSt, số 3/0, chỉ dài 70 cm, kim tròn 1/2 vòng tròn dài 26mm, kim EasySlide làm bằng hợp kim AISI 300 series (304) Niken 11% theo tiêu chuẩn ASTM f899-20, đạt độ nhám bề mặt $\leq 0,4$ Ra, phủ silicon. Lực căng kéo nút thắt 22.04N. Sức căng kéo giảm 40 - 50% sau 21 ngày, tan hoàn toàn sau 56 đến 70 ngày. Đóng gói: Chỉ được quấn quanh khung nhựa HDPE giúp chống rối chỉ. Tiêu chuẩn FDA, EC, ISO.		Sợi	265
10		26BVNC-V28	Chỉ thép liên kim số 5	Chỉ thép đơn sợi số 5, chất liệu 316L chỉ dài 45cm, tép 04 sợi, kim tròn 1/2 vòng tròn dài 48mm. Kim Short Cutting phủ silicone. Giá trị trung bình lực căng kéo ≥ 11.40 Kgf. Tiêu chuẩn FDA, EC, ISO		Sợi	10
11		26BVNC-V29	Chỉ thép liên kim số 7	Chỉ thép số 7 khâu xương bánh chẻ, dài 60 cm, kim tam giác 1/2c, dài 120 mm, ST90D120 Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi vuốt nhọn UltraGlyde Đóng gói bằng giấy Tyvek 100% sợi HDPE bền dai, chống rách, ngăn khuẩn hiệu quả		Sợi	10
12		26BVNC-V30	Chỉ Nylon đơn sợi số 1	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamid 6/66, số 1, dài 75cm, kim tam giác, 3/8 vòng tròn dài 30mm, kim EasySlide làm bằng hợp kim AISI 300 series (304) Niken 11% theo tiêu chuẩn ASTM f899-20, đạt độ nhám bề mặt $\leq 0,4$ Ra, phủ silicon. Lực căng kéo nút thắt 50.33N. Tiêu chuẩn FDA, EC, ISO.		Sợi	100
13		26BVNC-V31	Chỉ không tiêu số 2/0	Chỉ phẫu thuật không tự tiêu Nylon bao gồm các polyme béo chuỗi dài Nylon 6 và Nylon 6,6 và, nếu có thể, được nhuộm bằng Hematein (Logwood) Black hoặc FD&C Blue No. 2. Chất chiết xuất từ Logwood tuân thủ 21 CFR 73.1410 và không vượt quá 1,0% (w/w) chỉ khâu. D&C Blue số 6 tuân thủ 21 CFR 74.102 số 2/0, dài 75cm, kim tam giác kim 24mm, kim 3/8 vòng tròn Độ bền kéo nút thắt 1,44 kgf FDA, CE		sợi	300
14		26BVNC-V32	Chỉ không tiêu số 2/0	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamid 6/66, số 2/0, dài 75cm, kim tam giác, 3/8 vòng tròn dài 24mm, kim EasySlide làm bằng hợp kim AISI 300 series (304) Niken 11% theo tiêu chuẩn ASTM f899-20, đạt độ nhám bề mặt $\leq 0,4$ Ra, phủ silicon. Lực căng kéo nút thắt 31.39N. Tiêu chuẩn FDA, EC, ISO.		Sợi	700
15		26BVNC-V33	Chỉ không tiêu số 3/0	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamid 6/66, số 3/0, dài 75cm, kim tam giác, 3/8 vòng tròn dài 24mm, kim EasySlide làm bằng hợp kim AISI 300 series (304) Niken 11% theo tiêu chuẩn ASTM f899-20, đạt độ nhám bề mặt $\leq 0,4$ Ra, phủ silicon. Lực căng kéo nút thắt 15.50N. Tiêu chuẩn FDA, EC, ISO.		Sợi	600
16		26BVNC-V34	Chỉ không tiêu đơn sợi số 4/0	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamid 6/66, số 4/0, dài 75cm, kim tam giác, 3/8 vòng tròn dài 19mm, kim EasySlide làm bằng hợp kim AISI 300 series (304) Niken 11% theo tiêu chuẩn ASTM f899-20, đạt độ nhám bề mặt $\leq 0,4$ Ra, phủ silicon. Lực căng kéo nút thắt 9.81N. Tiêu chuẩn FDA, EC, ISO.		Sợi	400
17		26BVNC-V35	Chỉ không tiêu đơn sợi số 4/0	Chỉ phẫu thuật không tiêu DemeLON Nylon Monofilament số 4/0 dài 75cm, 3/8C kim tam giác 19mm NL264019F4P Sản phẩm Nylon đơn sợi (Monofilament Nylon) được cấu tạo từ các polyme aliphatic mạch dài Nylon 6 và Nylon 6,6, và trong trường hợp cần thiết sẽ được nhuộm màu bằng Hematein (Logwood) Black hoặc FD&C Blue No. 2. Chiết xuất Logwood đáp ứng quy định tại 21 CFR 73.1410 và hàm lượng không vượt quá 1,0% (khối lượng/khối lượng) của chỉ khâu. D&C Blue No. 6 đáp ứng quy định tại 21 CFR 74.102.		sợi	200

STT mặt hàng	STT phần	Mã Vật tư	Tên hàng hoá	Yêu cầu kỹ thuật	Quy cách	ĐVT	Số lượng
18		26BVNC-V36	Chỉ không tiêu đơn sợi Số 5/0	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamid 6/66, số 5/0, dài 75cm, kim tam giác, 3/8 vòng tròn dài 16mm, kim Easyslide làm bằng hợp kim AISI 300 series (304) Niken 11% theo tiêu chuẩn ASTM f899-20, đạt độ nhám bề mặt $\leq 0,4$ Ra, phủ silicon. Lực căng kéo đứt $\geq 6.67N$. Tiêu chuẩn FDA, EC, ISO.		Sợi	84
19		26BVNC-V37	Chỉ không tiêu đơn sợi Số 5/0	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamid 6/66, số 5/0, dài 75cm, kim tam giác, 3/8 vòng tròn dài 16mm, kim Easyslide làm bằng hợp kim AISI 300 series (304) Niken 11% theo tiêu chuẩn ASTM f899-20, đạt độ nhám bề mặt $\leq 0,4$ Ra, phủ silicon. Lực căng kéo đứt $\geq 6.67N$. Tiêu chuẩn FDA, EC, ISO.		Sợi	120
20		26BVNC-V38	Chỉ lạnh	Làm từ chất liệu 100% sợi cotton màu trắng, nhạ trọng lượng 20 gram/ cuộn, chiều dài 360 m.		cuộn	2
21		26BVNC-V39	Chỉ không tiêu 10/0	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polyamide 6/6 black, số 10/0, chỉ dài 30cm, 02 kim hình thang 3/8 vòng tròn dài 6mm đầu kim micro, kim Easyslide làm bằng hợp kim AISI 300 series (304) Niken 11% theo tiêu chuẩn ASTM f899-20, đạt độ nhám bề mặt $\leq 0,4$ Ra, phủ silicon. Tiêu chuẩn FDA, EC, ISO.		Sợi	30
22		26BVNC-V40	Ống nội khí quản (có bóng) các số	Ống đặt nội khí quản có bóng Ống: - Vật liệu PVC chịu nhiệt và chống xoắn đảm bảo tính linh hoạt của ống, phù hợp với đường thở - Vòng đôi đánh dấu vị trí đặt nội khí quản chính xác - Ống được in kích thước, chiều dài và các thông tin khác để tham khảo trực quan nhanh chóng - Thành ống nhẵn ngăn chặn sự tích tụ dịch tiết - Có đường cân quang tia X trên ống - Đầu vít tròn mềm mại không gây chấn thương và mắt Murphy - Tiệt trùng 100% bằng khí EO - Đánh dấu chiều dài mỗi 1cm Bóng: - Bóng áp suất thấp thể tích lớn, giảm thiểu nguy cơ chấn thương - Thành mỏng giúp hạn chế việc không bị kín - Có van kiểm soát (pilot valve) - Các cỡ 2.0 - 10.0 Tiêu chuẩn ISO 13485, CE		Cái	650
23		26BVNC-V41	Ống thông nước tiểu Latex Foley 2 nhánh	Sonde Foley 2 nhánh số 12-26 Fr - Không chứa DEHP gây ung thư. - Sản xuất từ 100% cao su tự nhiên ,Phủ Silicon - Có bóng dung tích 5cc-30cc, bóng căng đều. - Lỗ thông tiểu lớn và trơn - Tráng silicon trong lòng ống - Tiệt trùng bằng phóng xạ Gamma hoặc khí ETO. - Tiêu chuẩn ISO13485, CE		cái	1.500
24		26BVNC-V42	Khóa ba chạc có dây nối	Khóa ba chạc kèm dây nối dài từ 5 - 100 cm Dây nối tạo từ nhựa PVC trong suốt, nối với khóa ba chạc, dây mềm chống xoắn. Cho phép xoay 360 độ Có mũi tên tại khóa ba chạc để chỉ hướng dòng chảy Đầu khóa luer đáp ứng yêu cầu 6% độ côn theo tiêu chuẩn quốc tế Chịu được áp suất thủy tĩnh lên đến 60 PSI Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE		cái	350
25		26BVNC-V43	Canuyn Mayo	Chất liệu Polyethylene cao cấp, không độc hại, không gây dị ứng - Bề mặt nhẵn mịn, không gây dị ứng và không gây tổn thương miệng - Hình dạng ống cong 30 độ, có chế độ hãm miệng - Đã tiệt trùng - Duy trì đường thở không bị cản trở trong quá trình gây mê Tiêu chuẩn: ISO13485, CE		cái	50
26		26BVNC-V44	Sonde Nelaton chất liệu PVC các cỡ	Bảng nhựa y tế, đầu hờ với 2 lỗ. Ống dài khoảng 40cm ($\pm 5\%$)		cái	500

STT mặt hàng	STT phần	Mã Vật tư	Tên hàng hoá	Yêu cầu kỹ thuật	Quy cách	ĐVT	Số lượng
27		26BVNC-V45	Dây nối bơm tiêm điện	- Đóng gói kín từng chiếc, vỏ trùng, có đánh dấu vị trí mở, dễ mở, có hạn sử dụng ghi trên bao bì. Mềm dẻo, trong suốt, chống xoắn. - Đường kính trong $\leq 0,9$ mm - Đường kính ngoài $\leq 1,9$ mm - Chiều dài dây có đủ các cỡ 30,75,140,150cm - Tốc độ $\geq 0,9$ ml/phút; áp lực ≥ 2 bar - Đầu nối Luer Lock, chịu áp lực cao, chống rò rỉ, có khóa áp lực dương chống trào ngược dịch (có khóa bấm chặn dòng) - Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn tiết trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485 (Giấy chứng nhận các tiêu chuẩn trên phải do bên thứ 3 cung cấp) - Xuất xứ: Việt Nam		cái	50
28		26BVNC-V46	Ambu bóp bóng người lớn, trẻ em PVC	Ambu bóp bóng Cấu tạo: Các bộ phận được làm từ chất liệu nhựa PVC hoặc PE sinh học dùng trong y tế, không gây dị ứng, không chứa DEHP. Khớp xoay giữa van kết nối bệnh nhân và mặt nạ xoay được 360 độ, giúp di chuyển linh hoạt, tạo độ thoải mái cho bệnh nhân. Áp suất van: 40cm H2O Được tiệt trùng bằng khí EO, có thể tái sử dụng Tổng chiều dài: 700+/- 10mm Chiều dài ống thở: 1240+/-10mm Khả năng chịu đựng vượt quá 5-5.5% tổng thể tích khí lưu thông được chỉ định Tiêu chuẩn ISO 13485, CE		cái	4
29		26BVNC-V47	Mặt nạ khí dung với buồng xông khí dung	1. Làm từ nhựa y tế PVC 2. Màu sắc: xanh lá cây, trong suốt 3. Có sẵn cả đầu nối trượt luer tiêu chuẩn và đầu nối khóa luer 4. Dây đeo đầu có thể bằng cao su latex hoặc không có latex, tùy chọn 5. Cung cấp tốc độ nồng độ oxy trung bình cho bệnh nhân 6. Không có DEHP 7. Ống lumen hình sao đảm bảo cung cấp oxy khi ống bị xoắn 8. Tùy chọn kết nối với các loại bầu xông khí dung (các dụng cụ khác nhau. Thể tích bầu xông 6ml 9. Chiều dài dây nối: 2m 10. Vận tốc phun khí dung $\geq 0,2$ g/phút		cái	200
30		26BVNC-V48	Mask thở oxy	Chất liệu nhựa PVC y tế nguyên sinh cứng trong, không độc hại - Dây đeo đàn hồi, chiều dài dây nối 2m đến 2.1m, được tiệt trùng bằng khí EO - Bề mặt nhẵn mịn, không gây dị ứng và không gây tổn thương - Không chứa DEHP - Tiêu chuẩn ISO13485, CE		cái	100
31		26BVNC-V49	Gạc phẫu thuật ổ bụng	Gạc phẫu thuật ổ bụng 30 x 40 cm x 6 lớp. Sản phẩm được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút rất cao, không có độc tố. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Tốc độ hút nước ≤ 5 giây. Độ ngấm nước ≥ 5gr nước/1gr gạc. Chất tan trong nước $< 0,5\%$. Độ ẩm: Không quá 8%. Độ pH: trung tính. Độ trắng: $\geq 80\% \pm 10\%$. Muối kim loại: không quá hàm lượng cho phép. Hàm lượng chất béo: không vượt quá 0,5%. Đạt tiêu chuẩn Dược điển Việt Nam. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015; ISO 13485:2016		miếng	2.300
32		26BVNC-V50	Lưỡi dao mổ tiết trùng	Dao sắc. Chất liệu thép không gỉ, tiệt trùng bằng tia Gamma. Các số 10, 11, 12, 15, 20, 21, 22,23,24, 25 và 36. Các rãnh dọc lưỡi dao tương thích với mọi loại cán dao mổ. Lưỡi dao được đóng gói trong túi giấy bạc aluminum riêng lẻ.Sử dụng một lần.		Cái	2.500
33		26BVNC-V51	Thông tiểu 3 nhánh	- Bề mặt nhẵn mịn, đầu ống tròn, mềm không gây tổn thương, giảm kích ứng khi dùng cho bệnh nhân. - 100% chất liệu cao su y tế chất lượng cao phủ đầu silicon, tốt cho bệnh nhân - Lớp phủ Silicon ngăn cách giữa trực ống bằng cao su và niệu đạo của người bệnh gia tăng tính tương thích sinh học - Thành ống dày chống gây gấp, lỗ ống rộng dẫn lưu tốt, độ mềm vừa phải dễ đặt - Phủ Hydrophilic, đầu ngăn giúp giảm kích thích bàng quang - Không gây dị ứng, an toàn tuyệt đối, tiệt trùng bằng khí EO đóng gói vô khuẩn từng cái - Đường kính trong phủ silicon, tránh tắc ống - Kích thước đầu tip: trong khoảng 15mm-25mm. Chiều dài phần 40mm - Đóng gói xứng (đóng tam),càng đều được thiết kế chống vỡ hoặc dính khi xông lâu - Dung tích bóng 30ml - Không bị vỡ, bong bóng hay rò rỉ sau khi nhúng vào nước tiểu trong 7 ngày - Có loại van cao su (van mềm) và van nhựa (van cứng)		Cái	100

STT mặt hàng	STT phần	Mã Vật tư	Tên hàng hoá	Yêu cầu kỹ thuật	Quy cách	ĐVT	Số lượng
34		26BVNC-V52	Tay dao mổ điện 3 giác	Lưỡi dao làm bằng thép không gỉ, chiều dài của dây 1000 mm trở lên, cán dao có 2 nút ON và OF, phích cắm điện cực gồm 1 chân Tiệt trùng bằng khí EO, dùng cho máy mổ điện cao tần 3 giác. Sử dụng một lần.		Cái	40
35		26BVNC-V53	Dây dẫn lưu nhựa	Chất liệu nhựa PVC y tế, ống dây mềm dẻo. Đường kính trong 5.0mm hoặc 7.0mm, đường kính ngoài: 7.0mm hoặc 10mm chiều dài 396mm. Được tiệt trùng bằng EO.		cái	300
36		26BVNC-V54	Túi camera	1. Ống nylon 18 x 230 cm. Dây buộc 2 ly 2 x 60 cm 2. Túi nylon 9 x 14 cm. Dây buộc 2 ly 2 x 30cm Màu sắc đồng đều, có độ trong, bề mặt mịn có độ dẻo dai. + Dây cotton màu trắng, có độ bền cao. Yêu cầu an toàn: Không dính bụi bẩn, tạp chất, ko rách, thủng, ko kích ứng da... Được đóng gói trong bao bì giấy có màu chỉ thị tiệt trùng dùng trong y tế.		cái	800
37		26BVNC-V55	Bộ truyền giảm đau dùng một lần đa tốc độ có chức năng PCA dung tích 275 ml	Thông số kỹ thuật: - Dung tích 275ml - Có chức năng PCA - Cấu tạo gồm: Dây đeo, bóng chứa dịch, cổng truyền dịch một chiều, đoạn nối dài dây, kẹp, lọc, van điều chỉnh đa tốc độ, nút bấm PCA. - Độ chính xác ở điều kiện hiệu chuẩn: ±15% - Bộ lọc hạt có thể tháo rời: Kích thước lỗ 3µm - Ống truyền dịch chống xoắn có tiết diện tam giác - Tiệt trùng bằng EO - Tốc độ truyền liên tục: 2, 4, 6, 8 ml/h (điều chỉnh) 4, 6, 8, 10 ml/h (điều chỉnh) 5, 7, 13, 15 ml/h (điều chỉnh) 6, 8, 10, 12 ml/h (điều chỉnh) - Dòng PCA: 0.5, 1, 2 ml/ lần, thời gian khóa giữa 2 lần bấm 15 phút, 30 phút/ lần		bộ	180
III. BỘT BÓ THUY TINH							
1		26BVNC-V56	Băng bột tổng hợp (Băng bột sợi thủy tinh), cỡ 10cm x 360cm	Làm từ vải sợi thủy tinh dệt kim hoạt hóa trong nước, thời gian đông kết khoảng từ 2-4 phút. Đông kết hoàn toàn sau khoảng 20 phút. Kích thước: rộng 10 cm, cuộn dài tối thiểu 3.60m.		cuộn	200
2		26BVNC-V57	Băng bột tổng hợp (Băng bột sợi thủy tinh), cỡ 12.5cm x 360cm	Làm từ vải sợi thủy tinh dệt kim hoạt hóa trong nước, thời gian đông kết khoảng từ 2-4 phút. Đông kết hoàn toàn sau khoảng 20 phút. Kích thước: rộng 12.5 cm, cuộn dài tối thiểu 3.60m.		cuộn	100
3		26BVNC-V58	Băng bột tổng hợp (Băng bột sợi thủy tinh), cỡ 7.5cm x 360cm	Làm từ vải sợi thủy tinh dệt kim hoạt hóa trong nước, thời gian đông kết khoảng từ 2-4 phút. Đông kết hoàn toàn sau khoảng 20 phút. Kích thước: rộng 7.5cm, cuộn dài tối thiểu 3.60m.		cuộn	200
4		26BVNC-V59	Bóng lót bột 10cm x 2.7m	Được làm từ 100% polyester, êm, mịn, không xù, không thấm. Kích thước 10 cm x 2,7m		cuộn	400
5		26BVNC-V60	Bóng lót bột 15cm x 2.7 m	Được làm từ 100% polyester, êm, mịn, không xù, không thấm. Trọng lượng 70g. Đóng gói trong ống nylon và có túi chống ẩm. Kích thước 15 cm x 2,7m		cuộn	100
IV. PHIM DÙNG CHO MÁY IN PHIM KHÓ DÙNG CHO HỆ THỐNG X-QUANG -TRIMAX TX55							

STT mặt hàng	STT phần	Mã Vật tư	Tên hàng hoá	Yêu cầu kỹ thuật	Quy cách	BVT	Số lượng
1		26BVNC-V61	Phim khô laser cỡ 25x30cm (10x12")	- Phim khô laser kích cỡ 25x30 cm (10x12 inch), có độ phân giải cao, hình ảnh quang nhiệt - Phim được cấu tạo 4 lớp bao gồm: 2 lớp bảo vệ; 1 lớp nhũ tương nhạy sáng và 1 lớp nền polyester - Hỗ trợ lớp nền 7-mil polyester - Phim có thành phần cấu tạo hóa học bao gồm: 90-95% Polyethylene terephthalate; 1-5% Polyvinyl butyral-polyvinyl alcohol-polyvinyl acetate terpolymer; 1-5% Axit docosanoic, muối bạc(1+) và <3% Cellulose acetate butyrate - Phim có thể lưu lại trên đèn đọc phim > 24 giờ, ở điều kiện nhiệt độ 16-27 °C hoặc 60-80 °F và điều kiện độ ẩm 30-50 % RH - Mật độ hình ảnh Dmax: 3.3 - Phim có độ phân giải tối đa là 650 ppi - Tương thích với hệ thống máy in phim laser Trimax - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 - Chứng nhận lưu hành tự do: Mỹ; Pháp		Tờ	30.000
2		26BVNC-V62	Phim khô laser cỡ 35x43cm (14x17")	- Phim khô laser kích cỡ 35x43 cm (14x17 inch), có độ phân giải cao, hình ảnh quang nhiệt - Phim được cấu tạo 4 lớp bao gồm: 2 lớp bảo vệ; 1 lớp nhũ tương nhạy sáng và 1 lớp nền polyester - Hỗ trợ lớp nền 7-mil polyester - Phim có thành phần cấu tạo hóa học bao gồm: 90-95% Polyethylene terephthalate; 1-5% Polyvinyl butyral-polyvinyl alcohol-polyvinyl acetate terpolymer; 1-5% Axit docosanoic, muối bạc(1+) và <3% Cellulose acetate butyrate - Phim có thể lưu lại trên đèn đọc phim > 24 giờ, ở điều kiện nhiệt độ 16-27 °C hoặc 60-80 °F và điều kiện độ ẩm 30-50 % RH - Mật độ hình ảnh Dmax: 3.3 - Phim có độ phân giải tối đa là 650 ppi - Tương thích với hệ thống máy in phim laser Trimax - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 - Chứng nhận lưu hành tự do: Mỹ; Pháp		Tờ	3.500
V. PHIM DÙNG CHO MÁY IN PHIM KHÔ Y TẾ							
1		26BVNC-V63	Phim khô y tế 10x12 inch (25x30 cm)	Phim khô laser cỡ 10x12 inch tương thích máy in phim khô laser Konica. Phim khô được xử lý nhiệt. Thành phần chính gồm: Polyethylene terephthalate: 85-95%, polyme: 1-10%, bạc hữu cơ: 1-10%, gelatine: 1-10%, phụ gia: 0.1-15%, bạc halogenua: 0.05-1%. hộp 125 tờ		tờ	20000
2		26BVNC-V64	Phim khô y tế 14x17 inch (35x43 cm)	Phim khô laser cỡ 14x17 inch tương thích máy in phim khô laser Konica. Phim khô được xử lý nhiệt. Thành phần chính gồm: Polyethylene terephthalate: 85-95%, polyme: 1-10%, bạc hữu cơ: 1-10%, gelatine: 1-10%, phụ gia: 0.1-15%, bạc halogenua: 0.05-1%. hộp 125 tờ		tờ	2000
VI. PHIM DÙNG CHO MÁY IN PHIM PHỤ Y TẾ NICEIMAGE							
1		26BVNC-V65	Phim X- Quang y tế NS-D-P 10x12 inch (25x30 cm)	-Model: NS-D-P -Kích thước 10x12 inch (25x30cm) -Phim không nhiễm sáng (sử dụng trong điều kiện ánh sáng môi trường). -Cấu tạo gồm 3 lớp : lớp phủ in phim, lớp nền PET, lớp phủ chống tĩnh điện. -Độ dày lớp phủ in phim là 30 um, lớp nền PET là 175 um, lớp chống tĩnh điện là 5 um -Tương thích với các máy in phim phụ y tế Nice Imaging chuẩn Dicom 3.0. -Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485 và ISO9001 hoặc tương đương và giấy phép lưu hành tự do tại 1 trong các nước thuộc liên minh châu Âu (CFS).G7		tấm	30000
2		26BVNC-V66	Phim X- Quang y tế NS-D-P 14x17 inch (35x43 cm)	-Model: NS-D-P -Kích thước 14x17 inch (35x43cm) -Phim không nhiễm sáng (sử dụng trong điều kiện ánh sáng môi trường). -Cấu tạo gồm 3 lớp : lớp phủ in phim, lớp nền PET, lớp phủ chống tĩnh điện. -Độ dày lớp phủ in phim là 30 um, lớp nền PET là 175 um, lớp chống tĩnh điện là 5 um -Tương thích với các máy in phim phụ y tế Nice Imaging chuẩn Dicom 3.0. -Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485 và ISO9001 hoặc tương đương và giấy phép lưu hành tự do tại 1 trong các nước thuộc liên minh châu Âu (CFS).G7		tấm	2.000
VII. VẬT TƯ TIÊU HAO SỬ DỤNG CHO MÁY PHÁT TIA PLASMA LẠNH HỖ TRỢ ĐIỀU TRỊ VẾT THƯƠNG							

STT mặt hàng	STT phần	Mã Vật tư	Tên hàng hoá	Yêu cầu kỹ thuật	Quy cách	DVT	Số lượng
1		26BVNC-V67	Vật tư tiêu hao sử dụng cho máy phát tia plasma lạnh hỗ trợ điều trị vết thương	• Dùng cho máy phát tia Plasma lạnh Plasma MED-GAP • Sản xuất năm 2022 trở đi • Thành phần: - Argon độ tinh khiết 99,9995% - H₂O < 3 ppm; N₂ < 5 ppm; Oxygen < 2ppm • Bình chứa: - Bình hợp kim nhôm hoặc tương đương, dung tích 8 lít - Kích thước: 159 x 8 x 615 (mm) - Kích thước bao gồm nắp khoảng: 159 x 8 x 730 (mm) - Áp suất an toàn của bình chứa: 250Bar - Áp suất khí nén khi đầy: 130bar - Thể tích khí trong bình (Khí giải nén): 1.040 lít • Chuẩn kết nối: - Nối nhanh cơ khí: NTP G 1/4 – 6 mm - Giao diện nối điện từ: HDMI • Sản phẩm là hỗn hợp khí trong bình, không bao gồm vỏ bình và các bộ phận đi kèm		bình	30
VIII. CÁC VẬT TƯ KHÁC							
1	1	26BVNC-V68	Sonde JJ	• Dùng để dẫn lưu nước tiểu từ thận xuống bàng quang • Kích thước: 5Fr, 6Fr, 7Fr, 8Fr • Chất liệu: PU, dài 26cm • Gồm JJ dạng pigtail có dây, kẹp và dây đẩy		Cái	70
2	2	26BVNC-V69	Guide Wire HybriGlide	• Dùng để hỗ trợ trong phẫu thuật nội soi, thiết lập đường dẫn • Kích cỡ: 0.032", dài 150cm • Chất liệu: Nitinol phủ PTFE, tip phủ Hydrophilic • Tip: Đầu thẳng, mềm • Thiết kế sọc vàng, đen chạy dài trên thân ống, giúp dễ quan sát trên X-quang		Cái	10
3	3	26BVNC-V70	Dụng Cụ chặn Sỏi Niệu	• Dùng để hỗ trợ ngăn chặn các vật thể lạ (sỏi, v.v...) di chuyển ngược và tạo điều kiện thuận lợi cho các dụng cụ nội soi tiếp cận trong quá trình chẩn đoán hoặc điều trị. • Đường kính ngoài: 2.6 Fr • Độ rộng lá chặn: 7mm; 10mm • Độ dài: 1450mm		Cái	3
4	4	26BVNC-V71	Sợi Truyền Quang	• Vật tư tiêu hao dùng cho Máy Tán Sỏi Laser • Chất liệu: lõi thạch anh, truyền quang tốt • Kích cỡ: 272µm; 550µm; 800µm • Chiều dài: 3m		Sợi	3
5	5	26BVNC-V72	Ống thông niệu quản dẫn lưu thận (Sond Pezzier) các số	• Ống thông niệu quản dẫn lưu thận. Làm từ cao su tự nhiên • Được phủ 1 lớp silicone • Có van nhựa hoặc van cao su • Size: Fr14; Fr16; Fr20; Fr22; Fr24; Fr26; Fr28		cái	20
6	6	26BVNC-V73	Sonde chữ T (Kehr dẫn mật)	• Ống thông đường mật chữ T. Được làm từ cao su thiên nhiên. Số 14, 16, 18, 20, 22, 24.		cái	20
7	7	26BVNC-V74	Giấy in siêu âm	• Vật liệu : Polypropylene tổng hợp Độ dày: 80 ± 5µm Kích thước: Rộng 110 ± 0.1mm; Dài 20 ± 0.1 m Mật độ quang tối đa (Dmax): Tối thiểu 1.20 Độ bóng: Tối thiểu 10% Độ trắng: Tối thiểu 80% Tương thích với máy in Sony và Mitsubishi Dung lượng: 217 bản in cho mỗi cuộn		Cuộn	430
8	8	26BVNC-V75	Môi trường nuôi cấy	• Ống nhựa 1,5ml có nắp nhấn kín chứa 0,3ml môi trường thạch dùng để kiểm tra nhanh sự hiện diện của Helicobacter pylori trong mẫu bệnh phẩm (sinh thiết dạ dày) hoặc trên môi trường nuôi cấy. • Thành phần: Peptone, Glucose, Sodium chloride, Disodium phosphate, Potassium dihydrogen phosphate, Phenol red, Agar, Urea, pH 6.8 ± 0.2 ở 25°C • Đóng gói: hộp 50 ống		ống	2.100
9	9	26BVNC-V76	Giấy điện tim 6 cần	• Kích thước 110mm*140mm*142sheets, có dòng kẻ, chất liệu bằng giấy in nhiệt. Tương thích với máy điện tim hãng Nihon Koden.		Tập	500
10	10	26BVNC-V77	Đầu côn vàng	• Đầu côn vàng dung tích 200 µl, làm từ nhựa PP, không kim loại, không DNase, RNAse. Thiết kế phù hợp với các loại cây pipet trên thị trường, ôm khít đầu cây pipet, thành trong không dính nước, đảm bảo dung tích chính xác.		cái	24.000
11	11	26BVNC-V78	Đầu côn xanh	• Đầu côn xanh dung tích 1000 µl, làm từ nhựa PP, không kim loại, không DNase, RNAse. Thiết kế phù hợp với các loại cây pipet trên thị trường, ôm khít đầu cây pipet, thành trong không dính nước, đảm bảo dung tích chính xác.		cái	40.000

STT mặt hàng	STT phần	Mã Vật tư	Tên hàng hoá	Yêu cầu kỹ thuật	Quy cách	BVT	Số lượng
12	12	26BVNC-V79	Gen KY	* Gel bôi trơn được sử dụng để bôi trơn nội soi dạ dày, nội soi đại tràng, nội soi trực tràng, bôi trơn âm đạo... đã được tiệt trùng. Nó không gây ra dị ứng, không gây kích ứng da. Hòa tan được trong nước, dễ dàng làm sạch, không chứa tạp chất, dầu và chất nhờn. Không độc hại và không có mùi hôi. Thành phần chính: Water; Glycerin; Monopropylene Glycol; Hydroxyl ethyl cellulose; Methyl; Hydroxybenzoate; Citric Acid. Thể tích tuýp 82gr		tuýp	100
13	13	26BVNC-V80	Ông thờ (máy đo chức năng hô hấp)	Ông thờ dùng cho máy đo chức năng hô hấp chất liệu giấy , đường kính 24mm cao 75mm		cái	2.000
14	14	26BVNC-V81	Giấy in nhiệt	Giấy in Bill nhiệt Khổ : 57mm X 45mm		Cuộn	70
15	15	26BVNC-V82	Giấy chỉ thị nhiệt hấp ướt	Chỉ thị nhiệt 24mm x 55mm có keo Acrylic và vạch mực chỉ thị hóa học. Vạch chỉ thị sẽ chuyển sang màu đen sau khi qua tiệt khuẩn		cuộn	10
16	16	26BVNC-V83	Parapin	Chất rắn dạng sáp màu trắng , không mùi , không vị , với điểm nóng chảy thông thường nằm trong khoảng 47-65 độ C.Nó không hòa tan trong nước , nhưng hòa tan trong ê te , benzen và một số este .		kg	300
17	17	26BVNC-V84	Nhiệt kế nách	Được làm từ thủy tinh trong suốt. Bên trong có vạch chia độ và dải thủy ngân. Nhiệt độ đo được tối đa 35-42oC.		Cái	450
18	18	26BVNC-V85	Túi đựng máu đơn	Chất bảo quản CPDA1, Dung tích các túi 250mL. Chất liệu túi: nhựa PVC y tế đáp ứng USP32, ISO3826, chất làm mềm Di(2-ethyl hexyl) phthalate. Các túi được đóng trong túi hỗn hợp nhôm, Nhãn túi máu được làm bằng giấy cho y tế, không độc, Nhãn không bị bóc ra khỏi túi ngay cả ở nhiệt độ âm trong quá trình ly tâm. Nhãn cho phép thông thoáng oxy và CO2 qua nhãn tốt cho việc bảo quản các thành phần máu. Thông tin trên nhãn đáp ứng theo ISO3826. Kích thước lòng túi : 136 x 110 mm		túi	20
19	19	26BVNC-V86	Gạc phẫu thuật không dệt 7,5 cm x 7,5 cm x 6 lớp, VT	Gạc phẫu thuật 7,5 x 7,5 x 6 lớp. Sản phẩm được làm từ chất liệu vải không dệt. Không có độc tố. Không chứa chất gây dị ứng, không có tính bột, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Không có hóa chất tẩy trắng. Tốc độ hút nước <= 5 giây. Chất tan trong nước <0.5%. Độ pH: trung tính. Độ trắng: >=80% +/- 10%. Hàm lượng chất béo: không vượt quá 0,5%. Khả năng hút nước: Trung bình 1 gam gạc giữ được từ 5 gam nước trở lên. Độ ẩm: Không quá 8%; Độ acid và độ kiềm: Đạt trung tính. Đạt tiêu chuẩn Dược điển Việt Nam III. Đã tiệt trùng bằng E.O Gas - Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015; ISO 13485:2016; Chứng nhận FDA của Hoa Kỳ; CE; Kết quả kiểm nghiệm của Trung tâm Quatest 1.		cái	1.000
20	20	26BVNC-V87	Cốc chứa mẫu dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa, dung tích 2ml	Cốc đựng mẫu 2.0 ml bằng polystyrene để tự động phân tích Genseac		Cái	5.000
21	21	26BVNC-V88	Phim X-quang y tế (phim nha khoa)	Phim và nước đóng sẵn trong 1 lá phim. Hộp 50 tờ		tờ	1.000
22	22	26BVNC-V89	Dung dịch rửa tay sát khuẩn	Dung dịch rửa tay sát khuẩn dạng cồn .Thành phần: Ethanol 50% (w/w), Isopropanol 28% (w/w), Chlorhexidine digluconate 0,5% (w/w) Thành phần dưỡng ẩm:Glycerine, Myristil alcohol, ethoxylated lanolin, tocopheryl acetate, polysaccharides.... Thành phần chăm sóc da:Tinh chất lô hội Có tác dụng diệt hoàn toàn đối với các vi khuẩn Staphylococcus aureus, Pseudomonas aeruginosa, Shigella flexneri, Bacillus subtilis, Mycobacterium tuberculosis và nấm Candida albicans sau 30 giây tiếp xúc. pH=6-8		lít	370
23	23	26BVNC-V90	Dung dịch Povidone Iodine 10%	Thành phần: 10%kl/t Povidone Iodine. Chất giữ ẩm: Glycerine, Vitamin E. Có tác dụng diệt khuẩn hoàn toàn đối với các vi khuẩn như: S.aureus, P.aeruginosa, S.flexneri, C.albicans, B.Subtilis trong thời gian 30 giây và M.tuberculosis sau thời gian tiếp xúc 1 phút pH=1,5-6,5		Lít	450
24	24	26BVNC-V91	Dung dịch đa Enzym làm sạch dụng cụ y tế.	Dung dịch có chứa: 0,5% Protease, 0,2% Lipase, 0,15% Amylase, 0,05% Cellulase, 0,05% Mannanase. Dung dịch pha loãng 0,5 - 1% pH=7-8		Lít	24
25	25	26BVNC-V92	Bơm cho ăn 50ml	Bơm tiêm cho ăn nhựa 50ml, ốc xi-lanh to lắp vừa dây cho ăn và có nắp đậy. Piston có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng, không chứa độc tố DEHP. Piston và xy lanh được làm bằng nhựa PP Y tế, chất liệu không độc không gây sốt. Giọng được làm từ chất liệu PVC Y tế, đóng gói đảm bảo vô trùng, tiệt trùng bằng khí E.O theo quy trình kín.		cái	400
26	26	26BVNC-V93	Kim cánh bướm	Kim 23G,25G. Dây được làm bằng nhựa PVC dùng trong y tế, không có chất DEHP, không độc, không gây sốt. lắp vừa dây truyền dịch và bơm tiêm. Sản phẩm đóng gói trong túi riêng đảm bảo vô trùng, không có độc tố và chất gây sốt.Tiệt trùng bằng khí EO. Đạt tiêu chuẩn ISO: 13485:2016/ EN ISO 13485:2016, ISO 9001:2015; CE		Cái	20.000

STT mặt hàng	STT phần	Mã Vật tư	Tên hàng hoá	Yêu cầu kỹ thuật	Quy cách	ĐVT	Số lượng
27	27	26BVNC-V94	Bao cao su	Tiêu chuẩn cơ bản: Mùi: Không mùi Màu sắc và độ trong: Trong mờ và không màu + Size 49: Chiều dài: ≥ 170 mm. Chiều rộng: $49 \text{ mm} \pm 2 \text{ mm}$ + Size 52: Chiều dài: ≥ 170 mm. Chiều rộng: $52 \text{ mm} \pm 2 \text{ mm}$ Độ dày: $0,065 \text{ mm} \pm 0,015 \text{ mm}$ Thể tích và áp suất nổ: Trước lão hóa: - Thể tích nổ: ≥ 16 lít, đối với bao cao su có chiều rộng nhỏ hơn 50 mm - Thể tích nổ: ≥ 18 lít, đối với bao cao su có chiều rộng từ 50 mm đến 56 mm - Áp suất nổ: $\geq 1.0 \text{ kPa}$ Sau lão hóa ở 168 ± 2 giờ với nhiệt độ 70 ± 2 - Thể tích nổ: ≥ 16 lít, đối với bao cao su có chiều rộng nhỏ hơn 50 mm - Thể tích nổ: ≥ 18 lít, đối với bao cao su có chiều rộng từ 50 mm đến 56 mm - Áp suất nổ: $\geq 1.0 \text{ kPa}$ Tiêu chuẩn cao: Ngoài tiêu chuẩn cơ bản, phải đạt: - Chất bôi trơn Bao cao su được bôi trơn với dung dịch silicone có độ nhớt từ 200 đến 350 CS - Tổng trọng lượng bôi trơn và bột hương liệu là $550 \text{ mg} \pm 150 \text{ mg}$.		cái	2.400
28	28	26BVNC-V95	Kep rốn	Sản xuất từ chất liệu nhựa PP nguyên sinh, độ trơn láng cao. Không chứa độc tố DEHP. .		cái	1.000
29	29	26BVNC-V96	Giấy in nhiệt dùng cho máy đo chức năng hô hấp	Giấy in Bill nhiệt Khổ : 110mm X 30mm		cuộn	100
30	30	26BVNC-V97	Tăm bông sản khoa	Que lấy mẫu bệnh phẩm cán gỗ ,chiều liệu ống , nắp , bằng nhựa, que bằng gỗ , đầu cotton ,chiều dài 175mm.Đóng gói riêng từng chiếc , tiệt trùng bằng EO Gas .Được sử dụng để thu thập, lưu trữ , truyền mẫu vật , được sử dụng rộng rãi trong nha khoa , da liễu , phụ khoa , tiết niệu , và các mẫu bệnh khác .		cái	600
31	31	26BVNC-V98	Dung dịch rửa tay sát khuẩn	Thành phần chính: Chlorhexidine Digluconate 2% (kl/kl), pH nằm trong khoảng 5-8		Lít	320
32	32	26BVNC-V99	Băng bột bó	Băng bột bó rộng $15 \text{ cm} \pm 0,75 \text{ cm}$ x dài $\geq 2,7 \text{ m}$.Thời gian đông kết ít hơn: 05 phút. Thạch cao: $\geq 92\%$. Gạc: 100% cotton .		Cuộn	370
33	33	26BVNC-V100	Dây truyền máu	Dây truyền máu - Dùng để truyền máu và huyết thanh. - Chất liệu nhựa PVC, không gây sốt, không độc hại, có lần để chỉnh tốc độ truyền máu. - Đặc biệt đầu dây được vát nhọn giúp cho sự thâm nhập được mạnh mẽ và sắc bén.		cái/túi	180
34	34	26BVNC-V101	Giấy điện tim 12 cần	- Chất lượng in sắc nét. Giấy dai, đẹp, mực bền. - Độ trắng sáng tốt dây, bề mặt giấy láng đều, không có bụi giấy, giúp tăng tuổi thọ cho thiết bị máy - Giấy điện tim 12 cần 210mm x 150mm		tập	250
35	35	26BVNC-V102	Đè lưới gỗ tiệt trùng	Que đè lưới gỗ làm bằng gỗ tự nhiên Kích thước 150x20x2mm. Tiệt trùng E.O		cái	1.300
36	36	26BVNC-V103	Phin lọc khuẩn HME (Phin lọc khuẩn đa chức năng)	Filter lọc khuẩn 3 chức năng làm ẩm làm ấm, Được làm từ nhựa y tế sinh học PP, có cổng luer xoay và nắp lọc tĩnh điện Chiều cao: 73.5$\pm$2mm, chiều rộng: 58$\pm$0.3mm Sự kháng (tại 60LPM), độ ẩm đầu ra: 31mg H2O @ VT 500ml Khoảng chết: 45ml Trọng lượng: 26.5$\pm$3g Thể tích: 150-1500ml Hiệu quả lọc vi khuẩn (BFE): 99,9% Hiệu quả lọc virus (VFE): 99,9% Tiệt trùng bằng khí EO. Tiêu chuẩn ISO13485, CE		cái	100
37	37	26BVNC-V104	Đinh Kisner các cỡ, chất liệu Titanium	Đinh Kisner được làm từ chất liệu Titanium, cấp độ 5. Đường kính đinh từ 0.8 mm - 3.0 mm. Chiều dài đinh các cỡ kích thước 150 mm, 225 mm, 300 mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE		cái	40

STT mặt hàng	STT phần	Mã Vật tư	Tên hàng hoá	Yêu cầu kỹ thuật	Quy cách	ĐVT	Số lượng
38	38	26BVNC-V105	Ống nghiệm lấy máu K2 EDTA nắp cao su	Chất liệu: Ống được làm bằng nhựa y tế PP, kích thước ống 12x75mm, Nắp bằng nhựa LDPE bọc cao su màu xanh dương phù hợp cho các máy xét nghiệm tự động. Hóa chất bên trong là Dipotassium Ethylenediaminetetra Acid (EDTA K2) với nồng độ tiêu chuẩn để giữ các tế bào trong máu nhất là tiểu cầu luôn ở trạng thái tách rời tối đa từ 6 - 8 giờ. Dùng trong xét nghiệm huyết học (công thức máu và xét nghiệm HbA1c...). Hóa chất bên trong dùng kháng đông cho 2ml máu với vạch lấy mẫu 2ml riêng biệt trên nhãn ống. Ống nghiệm không bị nứt vỡ, rò rỉ khi ly tâm với tốc độ 6000 vòng/phút Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485, CE - Xuất xứ: Việt Nam		cái	57.600
39	39	26BVNC-V106	Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 nóng các cỡ	Catheter Tĩnh mạch trung tâm người lớn: Catheter làm bằng Certon (Polyurethane, PUR), có các đường cán quang ngầm trên vách catheter giúp để phát hiện bằng X-quang, trên catheter có đánh dấu độ dài, đầu catheter tròn giúp giảm tổn thương khi luồn.		cái	30
40	40	26BVNC-V107	Dầu soi kính hiển vi	nD = 1.477 - 1.481 (20°C); Bảo quản tại: Nhiệt độ phòng (15-30°C)		lọ	2
41	41	26BVNC-V108	Lamem 22x22mm	Chất liệu bằng thủy tinh borosilicate kháng hóa chất của lớp thủy phân đầu tiên, trong suốt, có thể sử dụng để quan sát dưới kính hiển vi huỳnh quang. Tiêu bản hình vuông kích cỡ 22x22mm		cái	2.000
42	42	26BVNC-V109	Kim luồn tĩnh mạch an toàn có vách ngăn chống trào máu nhiều lần các cỡ	Kim luồn tĩnh mạch có cánh không cửa kích cỡ 18G-24G. Catheter bằng Polyurethane không có chứa latex, DEHP, có 4 đường cán quang ngầm, đầu catheter không vượt quá mặt vật kim và khoảng cách 0.4 mm. - Có đầu bảo vệ bằng kim loại, tự động kích hoạt bao phủ toàn bộ đầu kim ngay khi rút kim ra khỏi thân kim luồn. - Đầu kim 3 mặt vát 1 mặt vát trên, 2 mặt vát dưới tạo độ bền tối đa và vết hình chữ V nhanh lành giảm đau cho bệnh nhân - Có cơ chế trào máu 2 lần báo hiệu kim và catheter đã vào đúng mạch. - Có vách ngăn chống máu trào máu nhiều lần, không ảnh hưởng áp lực dòng chảy. - Chuôi kim trong suốt, dễ dàng quan sát máu trào ngược. - Tương thích với các đầu nối dây truyền, dây nối. - Catheter có thể chịu được áp lực trên 325 psi. + Kim G18: đường kính trong 1.0mm, đường kính ngoài 1.3mm, tốc độ chảy 100ml/phút. Tốc độ chảy khi bơm áp lực cao 15-19ml/giây. + Kim G20: đường kính trong 0.8mm, đường kính ngoài 1.1mm, tốc độ chảy 60ml/phút. Tốc độ chảy khi bơm áp lực cao 10-14ml/giây. + Kim G22: đường kính trong 0.6mm, đường kính ngoài 0.9mm, tốc độ chảy 35ml/phút. Tốc độ chảy khi bơm áp lực cao 5-8ml/giây. + Kim G24: đường kính trong 0.5mm, đường kính ngoài 0.7mm, tốc độ chảy 22ml/phút, tốc độ khi bơm áp lực cao lên tới 2,5-5ml/s.		cái	6.000
43	43	26BVNC-V110	Kim luồn mạch máu an toàn trẻ em 24G	Kim luồn tĩnh mạch 24G có cánh không cổng tiêm thuốc - Catheter nhựa: FEP-Teflon, 4 đường cán quang ngầm - Chiều dài catheter 19mm, đường kính 0,7mm, tốc độ dòng chảy 22ml/phút. Tốc độ chảy khi bơm áp lực cao 1320ml/giờ. Thể tích mỗi 0,093ml - Đầu kim dẫn đường 3 mặt vát (1 mặt vát trên hai mặt vát dưới tạo độ sắc và tạo vết cắt trên da hình chữ V giúp mau lành vết đâm) - Có đầu bảo vệ bằng kim loại tự động kích hoạt bao phủ toàn bộ đầu kim ngay khi rút kim ra khỏi thân kim luồn - Đầu catheter không vượt quá mặt vật kim và khoảng cách không vượt quá 0.4mm (độ dài càng nhỏ, càng dễ luồn kim, lực tác động tối ưu và độ xuyên da dễ dàng, ít đau) - Cơ chế trào máu 2 lần giúp xác định chính xác kim và catheter đã vào đúng mạch - Chịu được áp lực đến 325psi - Buồng trào máu ở chuôi kim trong suốt để quan sát khi lấy ven thành công, có màng kỵ nước ngăn máu tràn ra ngoài khi thiết lập đường truyền. Tương thích với các đầu nối dây truyền, dây nối. - Nút đẩy ở dưới kim để tháo rời - Đầu khóa Luer - Đạt tiêu chuẩn châu Âu CE MDR: CE 0123		cái	7.900

STT mặt hàng	STT phần	Mã Vật tư	Tên hàng hoá	Yêu cầu kỹ thuật	Quy cách	ĐVT	Số lượng
44	44	26BVNC-V111	Bộ kim chạy thận nhân tạo	Kim chạy thận nhân tạo 16G/17G. - Đường kính ngoài 1.6mm - Kim chạy thận nhân tạo được làm từ nhựa PVC, PP, PE dùng trong y tế, không chứa DEHP và thép không gỉ SUS304 làm nguyên liệu chính, bao gồm nắp bảo vệ, cannula, cánh kim xoay, ống, kẹp, đầu kết nối và nắp đầu kết nối. - Quá trình sản xuất được thực hiện trong phòng sạch, kim được tiệt trùng bằng khí EO riêng biệt - Sử dụng vật liệu y tế có độ đàn hồi cao với độ đàn hồi tốt. Thành trong của ống nhẵn, không có gờ và lỗm. - Có kẹp giúp thao tác đơn giản và thuận tiện - Nắp bảo vệ có thể ngăn chặn hiệu quả việc kim đâm thủng, tránh nhiễm bẩn máu và bảo vệ người dùng. - Có back-eye hình oval để bảo đảm lưu lượng dòng máu cao, lưu lượng đạt không ít hơn 1000ml máu trong 30 phút ở chênh lệch áp suất 10kPa. Với áp suất cao hơn 30kPa lưu lượng máu không dưới 500ml trong 2 phút. - Chiều dài kim: 25mm(±2mm) - Chiều dài dây: 280mm(±2mm) - Thời hạn sử dụng 36 tháng.		cái	15.000
				Tổng: 111 mặt hàng			

PHỤ LỤC II: MẪU BÁO GIÁ

(Đính kèm Công văn số: 278/CV-TĐT- BVNC ngày 13/11/2025 của Bệnh viện Đa khoa Nông Cống)



BÁO GIÁ

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của..... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]. Chúng tôi[Ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp, trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các hàng hoá như sau:

1. Báo giá cho các hàng hoá:

STT	Tên hàng hoá	Tên thương mại	Thông số kỹ thuật	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất	Mã HS	Năm sản xuất	Xuất xứ	ĐVT	Số lượng/ Khối lượng	Đơn giá (gồm VAT) (VNĐ)	Thành tiền (gồm VAT)(VNĐ)
1											
	Tổng cộng: ... khoản										

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòngngày, kể từ ngày tháng năm... [Ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], [ghi ngày.... tháng.... năm kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 5 Mục I -Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị các hàng hoá nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.....tháng..... năm.....

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)